TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-11-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Liên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Luận
2. Bà Nguyễn Thị Thường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mơ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa: Bà Dương Thị Kim Chi - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*:** Anh Nguyễn Ngọc S, Sinh năm 1983; Nơi ĐKNKTT: thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Số nhà D đường N, phường P, TP ., tỉnh Thanh Hóa.

- ***Bị đơn*:** Chị Nguyễn Thị Huyền T, Sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số nhà D đường N, phường P, TP ., tỉnh Thanh Hóa.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc S trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Huyền T kết hôn trên cơ sở tự nguyện qua thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa ngày 28/6/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại phường P, thành phố T. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc bình thường, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan

điểm sống. Đỉnh điểm mâu thuẫn là tháng 4 năm 2024 anh S làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị T, quá trình giải quyết anh S đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên quá trình đoàn tụ thì đến tháng 5 năm 2024 anh S phát hiện chị T ở cùng trọ với người đàn ông khác, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nay anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 17/4/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 17/11/2020. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp không được nuôi dưỡng cả 02 con thì nguyện vọng của anh S là được nuôi dưỡng 01 con.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T thống nhất với ý kiến của anh S về thời gian, điều kiện kết hôn, nơi sinh sống của vợ chồng và thời gian chung sống. Quá trình chung sống vợ chồng không có vấn đề gì xảy ra cho đến tháng 4/2024 sau khi chị T phát hiện anh S có mối quan hệ ngoài luồng thì vợ chồng nói qua nói lại. Đến ngày 10/4/2024 chị T nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án về việc anh S khởi kiện xin ly hôn. Sau khi được Tòa án phân tích thì anh S đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Sau khi vợ chồng đoàn tụ thì không có vấn đề gì xảy ra. Đến tháng 6/2024 anh S tiếp tục làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị. Hiện nay chị trang xét thấy tình hình của gia đình và của con gái đầu là Nguyễn Ngọc Bảo T1 tinh thần không ổn định (trước đã sống với ông, bà nội và bố nên đã bị trầm cảm) và chị nhận thấy vẫn còn tình cảm với anh S nên muốn giữ gia đình để nuôi dạy con cái ổn định và trưởng thành, sau là để con của anh chị được điều trị tâm lý để trở lại tinh thần bình thường. Tuy nhiên anh S cương quyết xin ly hôn thì chị T cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 17/4/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 17/11/2020. Nếu vợ chồng ly hôn thì nguyện vọng của chị T là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung là 7.000.000đ - 10.000.000đ/tháng/hai cháu.

Về tài sản chung: Chị T có đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng nhưng trong quá trình giải quyết các đương sự đã tự thỏa thuận phân chia và rút đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị và anh S đã thỏa thuận và rút đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ do địa phương cung cấp thể hiện: Anh Nguyễn Ngọc S và chị Nguyễn Thị Huyền T là vợ chồng và sinh sống tại số nhà D đường N, phường P, TP ., tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống anh, chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm bắt cụ thể vì anh, chị không báo cáo khu phố. Nay anh S có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị về đoàn tụ. Nếu anh S cương quyết ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo pháp luật. Về con chung; anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 17/4/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 17/11/2020. Việc giao con đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Về tài sản, công nợ: Chính quyền địa phương không nắm bắt được anh S, chị T có tài sản hay công nợ chung không, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Về nơi cư trú: hiện nay anh chị vẫn đang sinh sống tại số nhà D N, phường P, thành phố T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chị Nguyễn Thị Huyền T có đơn đề nghị Tòa án chia tài sản và đến ngày 08/10 và 30/10/2024 anh S, chị T thống nhất rút yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản, công nợ.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2024 cháu Nguyễn Ngọc Bảo T1 có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị đơn, về con chung nguyện vọng được giao 01 con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh có đủ điều kiện, thời gian để chăm sóc nuôi dưỡng con từ ăn uống sinh hoạt và chỗ ở, kinh tế, còn chị T thì công việc bận thường xuyên đi công tác, năm 2023 còn bị tiền án về tội đánh bạc nên không thể giao cả 02 con cho chị T mà chỉ giao cho chị T 01 con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ anh và chị T đã thỏa thuận và rút yêu cầu phân chia.

Tại phiên tòa, bị đơn thuận tình ly hôn với anh S. Về tài sản, công nợ chị T thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận và rút đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung, chị T đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung từ 7.000.000đ - 10.000.000đ/tháng/02 cháu. Chị T bác bỏ yêu cầu của anh S về việc giao nuôi con cho anh S. Về điều kiện nuôi dưỡng anh S có mối quan hệ ngoài luồng, quá trình chung sống vợ chồng thì có lần anh S và mẹ của anh S không quan tâm và còn gây sức ép cho con. Tháng 6 năm 2024 bố đẻ anh S và anh S còn đuổi chị và các con ra khỏi nhà. Anh S chỉ có thể đảm bảo về vật chất nhưng về tinh thần của con thì không. Việc nuôi cả 02 con chị T sẽ đảm bảo được vì chị có thu nhập, có nhà riêng ở phường Đ, hiện nay chị đang thuê nhà ở phường Đ để tiện việc đưa đón con đi học và yêu cầu anh S có trách nhiệm cấp dưỡng cùng nuôi con với chị. Chị T bác

bỏ yêu cầu nuôi con của anh S vì không đủ điều kiện nuôi con và không có tư cách đạo đức để nuôi con. Mặt khác, cháu Bảo T1 hiện đang dậy thì cần sự quan tâm chỉ bảo của mẹ, còn cháu Bảo A nhỏ chưa biết gì, đang ở độ tuổi đầu đời cũng rất cần giao cho mẹ nuôi dưỡng, chị T không đồng ý giao con cho anh S nuôi dưỡng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Điều 51, 55, 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Các Điều 271; 273; 278; 280 BLTTDS; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc S và chị Nguyễn Thị Huyền T.

Về con chung: Anh S và chị T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 17/4/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 17/11/2020. Anh, chị ly hôn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào độ tuổi, giới tính và khả năng nhận thức của các cháu nên giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo A cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự rút đơn yêu cầu chia tài sản, công nợ đề nghị HĐXX đình chỉ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, chị Nguyễn Thị Huyền T được nhận lại tạm ứng án phí chia tài sản đối với phần yêu cầu đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc S và chị Nguyễn Thị Huyền T là Tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại số nhà D đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

** Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Ngọc S và chị Nguyễn Thị Huyền T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 4/2024 anh

S đã khởi kiện ly hôn sau đó xin rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Đến tháng 6/2024 anh S tiếp tục khởi kiện xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thừa nhận vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn tình cảm mặc dù đang sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy anh chị đã có thời gian hàn gắn nhưng không có kết quả, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh S và chị T là phù hợp theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

* *Về con:* Quá trình giải quyết vụ án anh, chị đều thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 17/4/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 17/11/2020. Ly hôn quan điểm của anh, chị là được nuôi dưỡng cả hai con. Xét nguyện vọng nuôi con của anh chị đều chính đáng, về điều kiện nuôi con cả anh S và chị T đều có thu nhập. Tuy nhiên, do cháu Bảo T1 đang ở độ tuổi dậy thì, lại là nữ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ, còn cháu Bảo A ít tuổi hơn nên giao cho bố chăm sóc là phù hợp quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Bảo T1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Bảo A cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung với ai.

* *Về tài sản, công nợ:* Ngày 08/10/2024 và ngày 30/10/2024 anh Nguyễn Ngọc S và chị Nguyễn Thị Huyền T có đơn xin rút yêu cầu phân chia tài sản, công nợ để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét việc anh S, chị T rút yêu cầu chia tài sản, công nợ là hoàn toàn tự nguyện, không lừa dối hay bị ép buộc nên chấp nhận.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Huyền T được nhận lại án phí dân sự đối với yêu cầu chia tài sản, công nợ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; 55; 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 244; Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc S và chị Nguyễn Thị Huyền T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Công nhận 02 cháu Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 17/4/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 17/11/2020 là con chung của anh S, chị T. Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo A cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S, chị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản, công nợ chung vợ chồng.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số BLTU/23/0001585 ngày 06/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Anh S đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Huyền T được nhận lại số tiền 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền số BLTU/23/0001724 ngày 15/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị : Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa
- UBND xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Liên